TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **228/**2021/DS-ST

Ngày 11/6/2021

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận**

Ông **Mai Văn Bé**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Không có.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1973

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2021 tại UBND xã TH) Có mặt

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Thị BH**, sinh năm: 1957 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*******Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ N đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày*:

Vợ chồng chị có tham gia hụi do bà BH làm đầu thảo đã 10 năm nay, do vợ chồng nên mọi người kêu chị theo tên chồng, khi tham gia hụi thì ghi tên người

tham gia hụi là anh T nhưng tiền đóng hụi là của vợ chồng, cả hai đều có đi đóng hụi, vợ chồng chị tham gia hụi như sau:

+Dây thứ 1: Hụi 2.000.000 đ/tháng, khui 24/11/2019 AL, gồm 29 phần, vợ chồng chị tham gia 01 phần, đã đóng được 14 kỳ hụi, mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, thành tiền là 21.000.000 đồng.

+Dây thứ 2: Hụi 1.000.000 đ/tháng, khui ngày 29/4/2020 AL sau, có 29 phần, vợ chồng chị tham gia 02 phần, đã đóng được 07 kỳ, kỳ thứ 8 do nuôi mẹ bệnh nên chưa đóng còn thiếu lại, mỗi kỳ đóng 1.600.000 đồng, thành tiền là 11.200.000 đồng.

+Dây thứ 3: Hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 10/4/2019 AL, có 29 phần (giấy hụi ghi số 3), vợ chồng chị tham gia 01 phần. Đơn khởi kiện ghi nhầm là ngày 10/4/2020 AL -dây thứ 3. Dây này vợ chồng chị đóng được 21 kỳ, đến kỳ thứ 22 chưa đến ngày khui thì bà BH đã bỏ đi, sau đó vỡ hụi nên không có thu tiền hụi nữa. Mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, thành tiền là 31.500.000 đồng.

+Dây thứ 4: Hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 10/4/2019 AL, có 29 phần (giấy hụi ghi số 4), vợ chồng chị tham gia 01 phần, đơn khởi kiện ghi nhầm là ngày 10/4/2020 AL – dây số 3 , đã hốt vào ngày 10/10/2020 AL (hốt kỳ 21 gồm 20 phần chết, 08 phần sống, còn 01 phần là người hốt), sau hốt còn đóng lại 08 kỳ hụi chết, tuy nhiên chưa đến ngày đóng hụi thì bà BH đã bỏ đi, sau đó vỡ hụi nên không có đóng nữa. Vợ chồng chị thiếu 08 kỳ x 2.000.000 đồng, thành tiền là 16.000.000 đồng.

+Dây thứ 5: Hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 30/01/2020 AL, có 29 phần, vợ chồng chị tham gia 01 phần, đã hốt vào ngày 30/10/2020 AL gồm 10 phần chết, 18 phần sống, còn phải đóng lại 18 phần là 36.000.000 đồng.

Như vậy bà BH thiếu hụi sống vợ chồng chị là 63.700.000 đồng, vợ chồng chị thiếu hụi chết là 52.000.000 đồng. Cấn trừ với nhau thì bà BH còn thiếu tiền hụi vợ chồng chị là 11.700.000đồng.

-Ngoài ra ngày 19/8/2020 AL bà BH có hỏi mượn vợ chồng chị số tiền 50.000.000đồng, nói mượn đỡ để quay tiền hụi. Sau đó đến ngày 18/9/2020 hỏi vay thêm 300.000.000 đồng, nói để trả tiền mua đất do đã lỡ đặt cọc, do bà năn nỉ quá nên vợ chồng chị đã cho mượn tiếp. Bà BH hứa hẹn khoảng một tháng sẽ trả hết tiền, vợ chồng chị có đòi khi mẹ chị bị bệnh nằm viện thì bà BH hứa sẽ trả sớm mà cũng không trả cho đến nay.

Tổng cộng tiền tham gia hụi và vay là 361.700.000đồng. Chị yêu cầu bà BH trả cho vợ chồng chị khi án có hiệu lực pháp luật.

**Tại bản tự khai ngày 20/4/2021 bị đơn là bà Nguyễn Thị BH trình bày:*

-Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 24/11/2019 AL có 29 phần, đến 24/11/2020 ngưng hụi, đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, thành tiền là 21.000.000 đồng.

-Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 29/4/2020 AL có 29 phần, anh T tham gia 02 phần, đóng được 08 kỳ, mỗi kỳ đóng 800.000 đồng, thành tiền là 11.200.000 đồng (07kỳ x 800.000đ x 02 phần = 11.200.000 đồng).

-Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/4/2019 AL có 29 phần, đã đóng được 21 kỳ thì hụi ngưng, mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, thành tiền là 31.500.000 đồng.

-Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/4/2019 AL có 29 phần, anh T tham gia 01 phần, đã hốt vào ngày 10/11/2020 AL giao 20 phần hụi chết, 08 phần hụi sống, như vậy anh T phải đóng lại 08 kỳ hụi chết là 16.000.000 đồng, do bà ngưng hụi nên anh T chưa đóng phần nào.

-Dây hụi 2.000.000 đồngkhui ngày 30/01/2020 AL có 29 phần, anh T tham gia một phần, đã hốt hụi vào ngày 30/10/2020 AL giao 10 phần hụi chết, 18 phần hụi sống, như vậy anh T phải đóng lại 18 phần hụi chết nhưng do hụi ngưng nên chưa đóng phần nào, thành tiền là 36.000.000 đồng.

Bà nợ tiền hụi sống của anh T là 63.700.000 đồng, anh T nợ lại bà tiền hụi chết chưa đóng là 52.000.000 đồng. Khấu trừ nhau thì bà còn nợ anh T tiền hụi là 11.700.000 đồng.

Ngày 19/8/2020 bà có vay là 50.000.000 đồng, đến ngày 18/9/2020 vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng. Tổng cộng là 350.000.000 đồng.

Như vậy tổng nợ hụi và nợ vay bà còn nợ anh T là 361.700.000 đồng. Bà đồng ý trả cho anh T số tiền trên, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Mỹ N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của anh T và ý kiến của chị như đã trình bày, yêu cầu bà BH trả tiền hụi 11.700.000 đồng và tiền vay 350.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị BH có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giả quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị BH có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà BH.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai thừa nhận số tiền còn thiếu như nguyên đơn khởi kiện, đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở xác định số tiền bà BH nợ là của vợ chồng anh T, chị N gồm các khoản tham gia hụi và vay tiền như sau:

+Dây thứ 1: Hụi 2.000.000 đ/tháng, khui 24/11/2019 AL, gồm 29 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần, đã đóng được 14 kỳ hụi, mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, thành tiền là 21.000.000 đồng.

+Dây thứ 2: Hụi 1.000.000 đ/tháng, khui ngày 29/4/2020 AL sau, có 29 phần, vợ chồng anh T tham gia 02 phần, đã đóng được 07 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.600.000 đồng, thành tiền là 11.200.000 đồng.

+Dây thứ 3: Hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 10/4/2019 AL, có 29 phần vợ chồng anh T tham gia 01 phần. Dây này vợ chồng anh T đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, thành tiền là 31.500.000 đồng.

+Dây thứ 4: Hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 10/4/2019 AL, có 29 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần, đã hốt vào ngày 10/10/2020 AL, sau hốt còn đóng lại 08 kỳ hụi chết, do ngưng hụi nên chưa đóng, còn thiếu 08 kỳ x 2.000.000 đồng, thành tiền là 16.000.000 đồng.

+Dây thứ 5: Hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 30/01/2020 AL, có 29 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần, đã hốt vào ngày 30/10/2020 AL gồm 10 phần chết, 18 phần sống, còn phải đóng lại 18 phần là 36.000.000 đồng.

Như vậy bà BH thiếu hụi sống vợ chồng anh T là 63.700.000 đồng, vợ chồng anh T thiếu hụi chết là 52.000.000 đồng. Khấu trừ với nhau thì bà BH còn thiếu tiền hụi vợ chồng anh T là 11.700.000đồng.

Vào ngày 19/8/2020 AL bà BH có hỏi mượn vợ chồng anh T số tiền 50.000.000đồng, đến ngày 18/9/2020 hỏi vay thêm 300.000.000 đồng. Tổng cộng là 350.000.000 đồng, bà BH hứa hẹn khoảng một tháng sẽ trả hết tiền nhưng cũng không trả cho đến nay.

Tổng cộng số tiền nợ là 361.700.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà BH trả số tiền 361.700.000 đồng cho vợ chồng anh là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả: bà BH đồng ý trả số tiền 361.700.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ý kiến của bà BH không được chị N đồng ý, đồng thời việc ngưng hụi là do lỗi bà BH chứ không phải do anh T, chị N; số tiền vay chị N cũng không yêu cầu trả lãi là đã có lợi cho bà BH, việc kéo dài thời gian trả sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và chị N, do đó cần buộc bà BH trả tiền cho anh T, chị N khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị BH là người cao tuổi (64 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bh có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 361.700.000 đồng (Ba trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị N, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà BH chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị BH. Hoàn tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Văn T số tiền 9.900.000 đồng theo biên lai số 0004140 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Anh T, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà BH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Bảnh